PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020" (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020 nhằm xây dựng Bình Dương thành một tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, toàn diện đảm bảo mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xóa đói giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Tập trung khai thác lợi thế về vị trí địa lý, sự hợp tác của các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cực hạt

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

nhân phát triển là thành phố Hồ Chí Minh để phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở tiếp tục cải cách hành chính, chủ động hội nhập quốc tế nhằm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, công nghệ tiên tiến, phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu; nâng quy mô, chất lượng các sản phẩm chủ lực và các ngành dịch vụ phù hợp với lợi thế so sánh của Tỉnh; nhanh chóng tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao để có thể xâm nhập vào thị trường thế giới (nhất là thị trường các nước trong khu vực ASEAN); đồng thời, chú trọng thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Nâng cao hiệu quả kinh tế gắn với phát triển xã hội trên cơ sở đầu tư có trọng điểm. Ưu tiên đầu tư các ngành, lĩnh vực có lợi thế về lao động, tài nguyên, nguyên liệu của các tỉnh và vùng lân cận v.v, để tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho nhân dân. Giảm sự chênh lệch về kinh tế - xã hội giữa các vùng trong Tỉnh, giữa các huyện phía Bắc với các huyện phía Nam của Tỉnh.

Xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, bố trí không gian hợp lý. Đặc biệt chú ý phát triển hệ thống giao thông đường bộ hiện đại theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế. Phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị và dịch vụ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường. Đầu tư nâng cao hiệu quả kinh tế sinh thái miệt vườn truyền thống vùng Lái Thiêu và sinh thái ven sông Sài Gòn. Tạo cảnh quan theo hướng cân bằng sinh thái tự nhiên và phát triển theo hướng bền vững.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh trên địa bàn.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát:

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ. Tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; chú trọng phát triển dịch vụ nhà ở, đào tạo phát triển nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe. Hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa và tạo ra sự phát triển cân đối, bền vững giai đoạn sau năm 2015.

b) Mục tiêu cụ thể:

Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng của các ngành công nghiệp, dịch vụ trong tổng GDP. Cụ thể là:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
Quy mô dân số (triệu người)	Triệu người	1,2	1,6	2,0
Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người giá so sánh năm 2005)	Triệu đồng/ người	30	52	89,6
Thu nhập bình quân đầu người (USD/người quy ra USD theo giá so sánh năm 2005)	USD/ người	2.000	4.000	5.800
Cơ cấu kinh tế: nông, lâm, ngư nghiệp - công nghiệp - dịch vụ	%	4,5% - 65,5% - 30%	3,4% - 62,9% - 33,7%	2,3% - 55,5% - 42,2%

Tốc độ tăng trưởng bình quân của các ngành, lĩnh vực (%/năm)

	2006 - 2010	2011 - 2015	2016 - 2020	2006 - 2020
GDP	15	14,9	13	14,3
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	3,2	3,4	3,6	3,4
Công nghiệp, xây dựng	16,8	14,5	12,3	14,5
Dịch vụ	15,6	16,5	16,1	16,0

- Kim ngạch xuất - nhập khẩu đạt 16.189 triệu USD vào năm 2010; trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 8.662 triệu USD. Các chỉ tiêu tương ứng năm 2015 là 24.000 triệu USD và 14.000 triệu USD, năm 2020 là 40.000 triệu USD và 25.000 triệu USD.

- Cơ cấu lao động chuyển dịch cùng với cơ cấu kinh tế theo hướng giảm lao động làm việc trong các ngành có năng suất thấp sang các ngành có năng suất, hiệu quả cao hơn. Lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm còn 20% năm 2010; 14% năm 2015 và còn

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

10% năm 2020; lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng tăng lên 45% năm 2010, 48% năm 2015 và giảm xuống 45% năm 2020; lao động ngành dịch vụ tăng liên tục từ 35% năm 2010 lên 38% năm 2015 và 45% năm 2020.

- Tỷ lệ đô thị hóa vào năm 2010 đạt 40%; đến 2015 đạt 50% và đến năm 2020 đạt 75%. Bình Dương trở thành đô thị loại I, trực thuộc Trung ương vào năm 2020.

- Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia trên địa bàn và phát triển xã hội như giáo dục, đào tạo, xóa đói giảm nghèo và các vấn đề xã hội khác.

- Bảo đảm vững chắc an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

3. Phương hướng phát triển chủ yếu

a) Các ngành kinh tế:

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, sử dụng nguyên liệu trong nước. Xây dựng công nghiệp đạt trình độ tiên tiến và hiện đại, sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước cũng như nước ngoài. Đến năm 2020, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp lớn, tầm quốc gia và khu vực. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 30,6%/năm thời kỳ 2006 - 2010; 26%/năm thời kỳ 2011- 2015 và 24,1%/năm thời kỳ 2016 - 2020. Tăng tỷ lệ nội địa hóa từ 55% năm 2010 lên 60% năm 2015 và 70% năm 2020, giảm tỷ lệ gia công. Nâng dần hàm lượng công nghệ cao trong sản phẩm công nghiệp. Nâng tỷ lệ công nghiệp sạch từ 20% hiện nay lên 40% năm 2010; 50% năm 2015 và 60% năm 2020.

Phát triển mạnh công nghiệp nhỏ và vừa, các ngành nghề truyền thống giải quyết nhiều việc làm tại chỗ ở khu vực nông thôn và thu hút lao động từ bên ngoài vào địa bàn Tỉnh.

Củng cố và nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn, lựa chọn các ngành công nghiệp có hàm lượng nội địa hóa cao. Đến năm 2020, dự kiến toàn Tỉnh có 31 khu công nghiệp với tổng diện tích 9.360,5 ha và 23 cụm công nghiệp với tổng diện tích 2.704 ha.

- Thương mại - dịch vụ:

Phát triển thị trường nội địa thông qua mở rộng giao thương với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, các khu công nghiệp lớn tập trung trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long và các vùng khác. Đối với

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thị trường nước ngoài, tập trung phát triển các mặt hàng chủ lực và các sản phẩm xuất khẩu từ các khu công nghiệp nhằm nâng cao giá trị xuất khẩu từ các khu công nghiệp tập trung và các sản phẩm chế biến từ cao su, hạt điều, đồ gỗ tinh chế v.v. Đồng thời, chú trọng nhập khẩu và cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ cho sản xuất những hàng hóa phục vụ nâng cao đời sống nhân dân.

Thương nghiệp nội địa tăng 18%/năm thời kỳ 2006 - 2010 và tăng 15%/năm thời kỳ 2011 - 2010. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ năm 2010 đạt 21 tỷ đồng, năm 2020 đạt 85 tỷ đồng. Xây dựng các chợ kiên cố tại các thị xã, thị trấn, thị tứ, một số xã và cụm dân cư. Dịch vụ vận tải không ngừng tăng đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Tốc độ tăng giá trị vận tải thời kỳ 2006 - 2010 đạt 26%/năm, thời kỳ 2011 - 2015 đạt 25%/năm, thời kỳ 2016 - 2020 đạt 24%/năm.

Xuất khẩu được đẩy mạnh, tổng giá trị xuất khẩu đạt 8.662 triệu USD năm 2010, đạt 14.000 triệu USD năm 2015 và trên 25.000 triệu USD năm 2020. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của các mặt hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 80 - 85% giá trị xuất khẩu. Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 7.527 triệu USD năm 2010, đạt 10.000 triệu USD năm 2015 và đạt 15.000 triệu USD năm 2020.

Phát triển dịch vụ nhà ở cho công nhân có thu nhập thấp ở các khu công nghiệp tập trung; thị trường nhà ở cho người có thu nhập vừa và cao theo loại hình nhà ở sinh thái tại vùng Lái Thiêu và dọc sông Sài Gòn. Trong đó, giai đoạn đầu đến năm 2010 phát triển từ Lái Thiêu lên Thủ Dầu Một, giai đoạn sau tiếp tục phát triển đến Hồ Dầu Tiếng nhằm khai thác lợi thế của sinh thái ven sông Sài Gòn.

Doanh thu du lịch tăng bình quân 13,5%/năm thời kỳ 2006 - 2010; khoảng 13%/năm thời kỳ 2011- 2015 và 12% thời kỳ 2016 - 2020. Về giá trị, năm 2010 đạt 210 tỷ đồng, năm 2015 đạt 387 tỷ đồng, năm 2020 đạt 682 tỷ đồng.

- Nông - lâm nghiệp - thủy sản:

Phát triển nông nghiệp ổn định, bền vững, năng suất cao trên cơ sở khai thác hợp lý các lợi thế về vị trí địa lý, các nguồn lực, giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị cao. Phát triển nông thôn mới trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Áp dụng công nghệ sinh học, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao trong nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Đầu tư phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày như cao su; cây ăn trái, rau đậu, cây kiểng và chăn nuôi đại

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

gia súc và gia cầm. Phát triển lâm nghiệp theo hướng khoanh nuôi, bảo vệ rừng; trồng phân tán dọc theo trục lộ, kênh mương và đất vườn ở hộ gia đình. Phát triển thủy sản theo hướng quy hoạch các vùng nuôi trồng thủy sản, kết hợp chặt chẽ khâu nuôi, bảo quản chế biến và quản lý bảo vệ môi trường.

Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của ngành lâm nghiệp và thủy sản. Tuy nhiên, tỷ trọng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp trong giá trị gia tăng ngành nông - lâm - ngư nghiệp vẫn đạt 90% năm 2010 và giảm xuống 75% năm 2020. Tỷ trọng ngành trồng trọt giảm dần từ 56% năm 2010 xuống 48% vào năm 2015 và 42% vào năm 2020. Tương ứng, tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng từ 37% năm 2010 lên 42% năm 2015 và 46% năm 2020.

Các ngành nông - lâm - ngư nghiệp thu hút 20% lao động vào năm 2010, khoảng 14% vào năm 2015 và 10% tổng số việc làm vào năm 2020.

b) Kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:

Phát triển giao thông đường bộ theo hướng kết nối với hệ thống quốc lộ hiện đại tầm cỡ khu vực, với sân bay quốc tế và cụm cảng biển Thị Vải - Vũng Tàu và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác. Tập trung phát triển các trục giao thông đường bộ từ đại lộ Bình Dương đi cửa khẩu Hoa Lư, từ đại lộ Bình Dương đi Đồng Xoài, từ đại lộ Bình Dương đi Dầu Tiếng, đường cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải xây dựng các trục cắt ngang: Vành đai 3, Vành đai 4, đường Thường Tân - Tân Hưng - Hưng Hòa. Chuẩn bị kết nối hệ thống Metro (Tàu điện ngầm) từ trung tâm thành phố Hồ Chí Minh đi Thủ Dầu Một vào sau năm 2020. Mạng lưới tỉnh lộ và huyện lộ sẽ kết nối với các trục giao thông và các đường vành đai nhằm kết nối giao thông thông suốt tới các khu, cụm công nghiệp và các vùng sản xuất chuyên canh nông nghiệp. Phát huy hiệu quả các tuyến đường sắt trên địa bàn.

Đối với giao thông đường thủy: tiếp tục nạo vét luồng lạch sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Thị Tính; cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống cảng phục vụ vận chuyển, du lịch và dân sinh.

- Cấp điện, cấp nước:

Đầu tư đồng bộ nâng cấp, xây mới hệ thống cấp điện, cấp nước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, đặc biệt là ở các khu công nghiệp và đô thị tập trung. Tốc độ tăng trưởng điện năng tăng trung bình 24%/năm giai đoạn 2006 - 2010 và giảm xuống còn 13%/năm giai đoạn 2011- 2015. Tổng nhu cầu điện năng tiêu thụ 6.700 GWh đến năm 2010 và 12.400 GWh đến 2015. Thành phần phụ tải cho sản xuất và tiêu dùng khoảng 20% thời kỳ đến 2015 và 18% thời kỳ đến 2020. Thành phần phụ

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

tải phục vụ phát triển các ngành dịch vụ khoảng 36% thời kỳ 2006 - 2015 và ổn định 30% thời kỳ sau 2015. Đến năm 2010, ngành nước phải xử lý 247.000 m^3/ngày đêm và đến năm 2020 xử lý 462.000 m^3/ ngày đêm. Bảo đảm 95 - 97% hộ nông thôn được dùng điện và nước sạch năm 2010 và tỷ lệ này đạt 100% vào năm 2020.

- Thông tin liên lạc:

Phát triển ngành bưu chính viễn thông hiện đại, đồng bộ theo tiêu chuẩn kỹ thuật số hóa và tự động hóa nhằm bảo đảm thông tin thông suốt toàn tỉnh, gắn kết với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Mật độ điện thoại năm 2010 đạt 42 máy/100 dân, năm 2015 đạt 50 máy/100 dân và năm 2020 đạt 60 máy/100 dân; tăng nhanh số người được sử dụng mạng internet.

c) Phát triển các ngành văn hóa - xã hội:

- Dân số:

Dân số tăng bình quân 4,2%/năm giai đoạn 2006 - 2010, tăng 5,9%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 4,6%/năm giai đoạn 2015 - 2020; trong đó, tốc độ tăng dân số tự nhiên giảm, tốc độ tăng cơ học được duy trì ở mức hợp lý. Dự báo dân số đạt 1,2 triệu người năm 2010; đạt 1,6 triệu người năm 2015 và khoảng 2 triệu người năm 2020 (quy mô dân số đạt mức đô thị loại I).

- Giáo dục - đào tạo:

Phát triển giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển mạnh mẽ của sản xuất. Phát triển giáo dục phải đồng bộ ở tất cả các cấp học từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tiếp tục xây dựng các trường mầm non và tiểu học ở những xã, phường, thị trấn chưa có. Tách hệ trung học cơ sở và hệ trung học phổ thông theo mô hình thống nhất của cả nước vào cuối 2007. Năm 2010, bảo đảm mỗi xã, phường có ít nhất một trường trung học cơ sở. Tiếp tục kiên cố hóa hệ thống trường học, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia về thiết bị dạy học trong tất cả các trường của Tỉnh.

Phát triển trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và đại học hợp lý trên cơ sở quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Quán triệt phương châm xã hội hóa công tác đào tạo, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực theo các mô hình đào tạo khác nhau: công lập, tư thục và dân lập. Chú trọng đào tạo lực lượng lao động có trình độ kỹ thuật cao cho các ngành công nghệ cao.

Phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu các khu công nghiệp của Tỉnh và các tỉnh khác trong Vùng, tiến tới đào tạo lao động cho xuất khẩu.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Phát triển đồng bộ và hoàn thiện mạng lưới y tế từ tỉnh xuống cơ sở, bảo đảm thực hiện đầy đủ các chương trình, chính sách y tế của Nhà nước. Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cộng đồng, giải quyết tốt vấn đề chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Củng cố và phát triển hệ thống y tế dự phòng. Coi trọng việc phát triển nguồn dược liệu đặc hữu tại địa phương để phục vụ cho công tác chữa bệnh, nhất là trong lĩnh vực y học cổ truyền. Phấn đấu đến năm 2010 tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 10%; đến năm 2020 cơ bản không còn trẻ em suy dinh dưỡng. Tuổi thọ trung bình đạt 75 tuổi vào năm 2010; 77 tuổi vào năm 2015 và 80 tuổi vào năm 2020.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa y tế. Tăng cường đầu tư phát triển toàn diện ngành y tế cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực. Từng bước hiện đại hóa thiết bị chẩn đoán, điều trị cho bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Đầu tư xây dựng mới một số bệnh viện đa khoa khu vực phục vụ cho chuyên gia và các khu công nghiệp. Khuyến khích đầu tư một số bệnh viện ngoài công lập theo hình thức xã hội hóa nhằm thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển y tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân trong tỉnh, trong vùng và người nước ngoài. Số cán bộ y tế (CBYT) 27 CBYT/vạn dân vào năm 2010, trong đó có 8 bác sĩ/vạn dân; tăng lên 38 CBYT/vạn dân, trong đó có 15 bác sĩ/vạn dân vào năm 2015. Đến năm 2020, đạt 55 CBYT/vạn dân, trong đó có 30 bác sĩ/vạn dân.

Phát triển mạnh mẽ các cơ sở cung ứng dịch vụ chất lượng cao để chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tốt hơn. Đặc biệt chú trọng việc xây dựng bệnh viện đa khoa và bệnh viện phụ sản đạt tiêu chuẩn quốc tế nhằm giảm tải cho các bệnh viện lớn ở thành phố Hồ Chí Minh, góp phần tăng nhanh cơ cấu cung ứng dịch vụ an sinh xã hội của Tỉnh thời kỳ sau năm 2015.

- Văn hóa thông tin, thể dục - thể thao:

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thông tin, thể dục - thể thao. Chú trọng phát triển các hoạt động này ở vùng nông thôn. Củng cố và phát triển thư viện ở các cấp, từ đô thị đến nông thôn. Nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình; xây dựng Đài phát thanh truyền hình tỉnh và các trạm cơ sở với quy mô phù hợp điều kiện thực tế và theo đúng quy hoạch chung hệ thống phát thanh, truyền hình trong cả nước. Phát triển, củng cố hoạt động bảo tồn, bảo tàng nhằm bảo

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử và phát huy bản sắc dân tộc.

Phấn đấu đến năm 2010 có 91% gia đình văn hóa, 73% số ấp, khu phố đạt danh hiệu và tiêu chuẩn văn hóa; năm 2020 tỷ lệ tương ứng là 96% và 85%.

- Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và chính sách đối với người có công:

Cơ cấu lao động chuyển dịch phù hợp với cơ cấu kinh tế theo hướng giảm lao động làm việc trong các ngành có năng suất thấp sang các ngành có năng suất, hiệu quả cao hơn. Hàng năm, tạo thêm việc làm cho lực lượng lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống dưới 4,4% năm 2010; 4,2% năm 2015; 4% vào năm 2020 và trên 70% lao động qua đào tạo vào năm 2020.

Nâng cao thu nhập của người lao động trên cơ sở tăng nhanh tốc độ phát triển đạt mức bình quân của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam vào năm 2015 và vượt mức bình quân của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam vào năm 2020. Thực hiện đồng bộ các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các chính sách trợ giúp về tín dụng, việc làm và các dịch vụ xã hội cơ bản. Đồng thời, nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo; quan tâm, giúp đỡ các hộ diện chính sách, các đối tượng có công với cách mạng.

d) Môi trường:

Quan điểm chung tăng trưởng kinh tế kết hợp với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Mục tiêu phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, trước hết phải thẩm định quy hoạch thoát nước và vệ sinh môi trường trong quy trình xét duyệt, cấp giấy phép cho dự án đầu tư. Trong các khu công nghiệp, hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường phải bảo đảm tiêu chuẩn. Năm 2010 thu gom được 90% tổng lượng chất thải rắn; cơ bản hoàn thành cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống thu gom rác thải đúng quy hoạch; bảo đảm 50% các khu dân cư, cụm công nghiệp có hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, thu gom rác theo đúng quy hoạch. Thực hiện xong quy hoạch thoát nước và vệ sinh môi trường khu vực Nam Bình Dương đã được phê duyệt. Đến năm 2020, các vấn đề nêu trên được hoàn chỉnh và đồng bộ.

đ) Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh:

Xây dựng Tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc. Rà soát quy hoạch và điều chỉnh đất quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu thế bố trí trong khu vực

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phòng thủ, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội. Ngăn chặn kịp thời, đấu tranh có hiệu quả với các thế lực thù địch, giải quyết kịp thời mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, kiên quyết không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn; có nhiều biện pháp thích hợp nhằm giảm thiểu các vụ tai nạn giao thông.

4. Phương án tổ chức lãnh thổ các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Khu vực đô thị:

Quá trình đô thị hóa sẽ diễn ra nhanh chóng theo hướng hiện đại hóa, đi đầu trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40% năm 2010, tăng lên 50% năm 2015 và đạt 75% năm 2020. Dự báo, dân số đô thị năm 2010 là 480 nghìn người, năm 2020 là 1,5 triệu người. Tập trung phát triển điểm đô thị ở thị xã, thị trấn có sức lan tỏa lớn như Thủ Dầu Một, khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương, các thị trấn trung tâm huyện lỵ và các khu đô thị gần các khu công nghiệp. Mở rộng các khu vực ngoại vi, hướng tới mở rộng đô thị theo mô hình đô thị hóa các vùng nông thôn, trên cơ sở nâng cao kết nối hạ tầng và các dịch vụ phúc lợi xã hội. Phấn đấu đưa tỉnh Bình Dương trở thành đô thị loại I, trực thuộc Trung ương vào năm 2020. Không gian thành phố Bình Dương kết nối với thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Biên Hòa trở thành đại đô thị của cả nước.

b) Khu vực nông thôn:

Phát triển kinh tế nông thôn hài hòa, giảm dần chênh lệch với khu vực thành thị. Phát triển mạnh công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nông thôn. Khôi phục các làng nghề truyền thống. Hình thành các vùng chuyên canh trồng rau, cây công nghiệp, cây ăn quả ổn định cung cấp thực phẩm cho các thành phố, thị xã, thị trấn, đô thị, khu công nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu. Tăng cường đầu tư cho nông thôn bằng cách thu hút các nguồn lực, phát triển kinh tế tư nhân, đưa khoa học, công nghệ vào sản xuất v.v.

c) Phát triển các tiểu vùng:

Không gian đô thị phát triển vùng theo hướng đô thị hóa nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

Vùng I (Nam Bình Dương) là vùng phát triển đô thị, công nghiệp và dịch vụ gắn với đô thị hóa. Vùng I có tổng diện tích 538 km², chiếm 19,96% tổng diện tích; dân số khoảng 1.248 nghìn người, chiếm 62,4% tổng dân số. Ranh giới Vùng I bao gồm đô thị Thủ Dầu Một, đô thị Thuận An, Dĩ An và khu đô thị mới Bến Cát, Tân Uyên.

Vùng II (Bắc Bình Dương) là vùng phát triển nông nghiệp - nông thôn, có tổng diện tích 2.157,54 km², chiếm 80,04% tổng diện tích; dân số khoảng 752 nghìn người, chiếm 37,6% tổng dân

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

số. Trọng tâm là phát triển nông nghiệp tập trung và công nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp. Phân bố không gian Vùng II gồm huyện mới 1 (huyện Tân Uyên tách ra), huyện mới 2 (huyện Bến Cát tách ra), huyện Phú Giáo và huyện Dầu Tiếng.

d) Lộ trình phát triển đô thị:

Thị xã Thủ Dầu Một trở thành đô thị loại III vào năm 2007; loại II và là thành phố trực thuộc tỉnh vào trước năm 2010. Đến năm 2010, Bình Dương có 01 thành phố trực thuộc tỉnh (đô thị loại II) và 03 thị xã, 04 huyện, 62 xã, 31 phường và 10 thị trấn. Đến năm 2020, Bình Dương trở thành thành phố loại I, trực thuộc Trung ương với 6 quận, 4 huyện ngoại thành, 40 xã, 60 phường và 13 thị trấn.

5. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch

a) Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh:

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan, các cấp; tăng cường kỷ luật hành chính, chống quan liêu tham nhũng, lãng phí đi đôi với đảm bảo quyền dân chủ của nhân dân. Đây là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội của các cấp, cơ quan tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

b) Nguồn vốn đầu tư:

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 34.955 tỷ đồng, giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 70.328 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 129.916 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư thời kỳ 2006 - 2020 khoảng 236.000 tỷ đồng (tính theo giá 1994).

Để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư, chính sách huy động vốn và thu hút đầu tư phải được xây dựng hấp dẫn đến từng nhóm dự án; đồng thời, thực hiện tốt công tác định hướng đầu tư đi đôi với chính sách khuyến khích đầu tư. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; chú trọng thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp ngoài Tỉnh, nhất là những tập đoàn kinh tế lớn, những doanh nghiệp lớn. Huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chú trọng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phát triển thị trường tài chính, đẩy nhanh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao v.v.

c) Phối hợp, liên kết phát triển giữa tỉnh Bình Dương với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

Để phát triển có hiệu quả, cân đối và bền vững, Bình Dương cần phối hợp chặt chẽ với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam về việc thực hiện các

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

chương trình, cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phát triển công nghiệp, các khu công nghiệp, du lịch sinh thái miệt vườn sông nước ven sông Sài Gòn, cung cấp và trao đổi thông tin, phát triển giao thông và dịch vụ vận tải, nâng cao khả năng khai thác các ngành dịch vụ tài chính - ngân hàng, đào tạo - nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và nhà ở cho người có thu nhập vừa và cao theo loại hình nhà ở sinh thái tại vùng Lái Thiêu và dọc sông Sài Gòn.

d) Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.

đ) Xây dựng hệ thống biện pháp thích hợp để khuyến khích và thúc đẩy phát triển kinh tế ngoài quốc doanh.

e) Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp ở thị trường trong nước và ngoài nước.

g) Xây dựng những chính sách thu hút, sử dụng và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp đáp ứng nhu cầu.

h) Tổ chức thực hiện Quy hoạch: công bố rộng rãi Quy hoạch sau khi đã được phê duyệt; nghiên cứu triển khai thực hiện Quy hoạch đồng bộ và toàn diện; xây dựng các kế hoạch để thực hiện Quy hoạch đạt kết quả và hiệu quả cao; thường xuyên cập nhật để đề nghị điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch khi cần thiết.

Điều 2. Quyết định phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020" là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được nêu trong Quy hoạch này, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược.

- Điều chỉnh các quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 4. Giao các Bộ, ngành liên quan hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được phê duyệt trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan được dự kiến đầu tư nêu trong Báo cáo quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09669706

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ

CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

1. Hệ thống thoát nước Dĩ An
2. Dự án khu liên hợp xử lý rác thải Nam Bình Dương
3. Cấp nước và vệ sinh đô thị Nam Thủ Dầu Một khoản vay 1880VIE(SF) (Trong đó: 3.000 triệu vốn ODA)
4. Hệ thống thoát nước thị xã Thủ Dầu Một (giai đoạn 2)
5. Nạo vét Bưng Biệp suối Cát
6. Nạo vét Suối Giữa - thị xã Thủ Dầu Một
7. Thoát nước Chòm Sao Suối Đờn
8. Hệ thống đê bao Chánh Nghĩa Phú Thọ
9. Khu chung cư phường Phú Hòa
10. Nâng cấp toàn diện hệ thống cấp nước thị xã
11. Thoát nước và xử lý nước thải cụm đô thị Nam Bình Dương.
12. Nhà máy nước Tân Hiệp
13. Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh

NÔNG NGHIỆP

14. Chương trình dự án lớn (5 triệu ha rừng)
    - Dự án trồng rừng của Ban Quản lý dự án núi Cậu - Dầu Tiếng
    - Dự án trồng rừng của Lâm trường Phú Bình
15. Nội đồng An Sơn Lái Thiêu

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09669706

GIAO THÔNG

16. Nâng cấp ĐT 744 Suối Giữa đi Cầu Cát (Km32+000 đến Cầu Cát)
17. Cầu qua Cù Lao Thạnh Hội
18. Xây dựng cầu Thủ Biên
19. Xây dựng cầu An Linh - An Long
20. Đường Nguyễn Thị Minh Khai
21. Cầu qua Cù lao Bạch Đằng
22. Đường cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn
23. Đường ĐT 744 (đoạn từ cầu Ông Cộ đến km 32+000)
24. Đường Nguyễn Chí Thanh (ngã 3 Suối giữa đến cầu Ông Cộ)
25. Đường Bạch Đằng thị xã nối dài
26. Đường Thường Tân - Tân Hưng - Hưng Hòa
27. Xây dựng đường Châu Văn Tiếp (cầu Lái Thiêu - bờ sông Sài Gòn)
28. Xây dựng mới đường giáp ĐT 745 đại lộ Bình Dương
29. Đường Châu Văn Tiếp (cầu Tân Phú - cầu Lái Thiêu)
30. Đường Gia Long (cầu Tân Phú - cầu Lái Thiêu)
31. Đường Hoàng Hoa Thám 2, thị xã Thủ Dầu Một
32. Xây dựng mới cầu Phú Long
33. Xây dựng cầu bê tông An Linh - An Long
34. Xây mới tuyến từ Quốc lộ 13 Thới Hòa - An Tây
35. Nâng cấp ĐT 747b đoạn Miếu Cống Cù - Hội Nghĩa dài 14,037 km

HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CÔNG TRÌNH Y TẾ

36. Trường Cao đẳng y tế Bình Dương
37. Đầu tư tổng thể Bệnh viện đa khoa giai đoạn 2003 - 2005

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09669706

38. Thiết bị Bệnh viện đa khoa tỉnh

39. Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng

40. Bệnh viện chuyên khoa Nhi

41. Bệnh viện chuyên khoa Lao

42. Bệnh viện Tâm thần

GIÁO DỤC

43. Trường THPT Hùng Vương (Giai đoạn IV)

44. Trường THPT chuyên tỉnh Bình Dương

45. Trường năng khiếu Thể dục - Thể thao

46. Tăng cường Trang thiết bị tin học trong nhà trường

47. Đại học Bình Dương

48. Trường Trung học kỹ thuật Bình Dương

49. Trường Đào tạo kỹ thuật Bình Dương

CÔNG TRÌNH VĂN HÓA

50. Cổng chào tỉnh Bình Dương

51. Di tích rừng Kiến An

52. Nhà thi đấu đa năng Sân vận động tỉnh

53. Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao Dĩ An

54. Khu trung tâm quần thể tượng đài thuộc di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt (giai đoạn 2)

55. Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ tỉnh

56. Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao Dầu Tiếng (đền bù)

57. Khu liên hợp thể dục thể thao

58. Hồ bơi thi đấu Sở Thể dục thể thao

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09669706

59. Xe truyền hình lưu động
60. Trang thiết bị sản xuất chương trình kỹ thuật số
61. Đầu tư phát triển Đài Phát thanh truyền hình 2006 - 2010
62. Trường quay nhà Bá âm FM

CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀO QUẢN LÝ

63. Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý giáo dục đào tạo
64. Trang thiết bị hệ thống vô tuyến Trunking Công an tỉnh

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - AN NINH QUỐC PHÒNG

KHỐI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

65. Nhà khách Tỉnh ủy
66. Mở rộng trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường
67. Trung tâm lưu trữ tỉnh
68. Trụ sở làm việc Khối Đảng - Khối Nhà nước - Khối Đoàn thể huyện Dĩ An
69. Trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên
70. Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Thuận An

KHỐI AN NINH - QUỐC PHÒNG

71. Hệ thống theo dõi mạng lưới giao thông ngoại ô
72. Tiểu đoàn 1 Bộ binh - Bộ Chỉ huy quân sự
73. Bệnh viện quân dân y - Bộ Chỉ huy quân sự

CÁC KHU - CỤM CÔNG NGHIỆP

74. 1 cụm công nghiệp thị xã Thủ Dầu Một
75. 6 khu công nghiệp và 2 cụm công nghiệp thuộc huyện Dĩ An

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09669706

76. 3 khu công nghiệp và 3 cụm công nghiệp thuộc huyện Thuận An

77. 5 khu công nghiệp và 10 cụm công nghiệp thuộc huyện Tân Uyên

78. 9 khu công nghiệp và 4 cụm công nghiệp thuộc huyện Bến Cát

79. 1 khu công nghiệp và 2 cụm công nghiệp thuộc huyện Dầu Tiếng

80. 1 khu công nghiệp và 1 cụm công nghiệp thuộc huyện Phú Giáo

81. 6 Khu công nghiệp trong Liên hợp Công nghiệp - dịch vụ - đô thị Bình Dương

* Ghi chú: về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn, và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư./.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09669706